TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09-12-2025
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ngọc

2. Ông Biền Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng N; nơi cư trú: k 4, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc C - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư C Chi nhánh B, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N; nơi cư trú: k 4, phường B, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại

UBND thị trấn B, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 09/6/2008. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng về quan điểm sống, khác biệt trong nhận thức và lối sống đã tạo nên những rạn nứt trong mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù đã nỗ lực hàn gắn và tìm cách cải thiện tình hình nhưng mọi chuyện ngày càng tồi tệ hơn. Những cuộc cãi vã thường xuyên đã gây ra áp lực lớn cho cả hai, ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị cảm thấy mình thật sự không còn tình cảm gì với anh N nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc được, nên mong muốn được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo chị N, giữa vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thùy L, sinh ngày 30/12/2008 và Trần Thùy D, sinh ngày 12/12/2011. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, xét xử mỗi người nuôi một con chung thì chị cũng đồng ý và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị N trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất như ý kiến, quan điểm mà nguyên đơn đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Hằng N có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn B, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 09/6/2008. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Mặc dù giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn đang còn sống chung với nhau. Hiện tại, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N; anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng nếu chị N kiên quyết xin được ly hôn thì anh cũng đồng ý chấp thuận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Theo anh N, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thùy L, sinh ngày 30/12/2008 và Trần Thùy D, sinh ngày 12/12/2011. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, Toà án xét xử ly hôn thì anh có nguyện vọng mỗi người nuôi một con và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh N trình bày, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái và tạo dựng tài sản chung nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà, anh thống nhất vợ chồng tự thoả thuận phân chia, tự thoả thuận giải quyết.

Đại diện VKSND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải không có lý do, không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Trần Văn N; về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thùy L, sinh ngày 30/12/2008 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trần Thùy D, sinh ngày 12/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn N và quyền nuôi dưỡng con chung vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 09/6/2008, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Theo chị N, cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn. Giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp cùng nhau, khác biệt trong nhận thức và lối sống nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Chị N xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh N, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh N được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn.

[2.2] Đối với anh N, mặc dù giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, căng thẳng nhưng theo anh là chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh N không có phương án, biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu, đề nghị của anh cũng không được chị N đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập nhiều lần để các bên tham gia phiên họp, hòa giải nhằm tìm ra phương án giải quyết nhưng không có kết quả; anh N đã không tham gia, vắng mặt không có lý do mặc dù biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc chị N xin ly hôn anh. Tại phiên toà, anh mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng nếu chị N kiên quyết xin được ly hôn thì anh cũng chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N, xét xử cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Trần Văn N.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn N có 02 con chung tên là Trần Thùy L, sinh ngày 30/12/2008 và Trần Thùy D, sinh ngày 12/12/2011. Anh N và chị N không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, anh N và chị N đều có nguyện vọng mong muốn được nuôi con nếu ly hôn. Trường hợp, Toà án xét xử mỗi người nuôi một con thì chị N, anh N cũng đồng ý và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên cũng như để bảo đảm quyền, lợi ích tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung như vậy là phù hợp. Giao con chung Trần Thùy L cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Trần Thùy D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cho mỗi người nuôi một con sau khi ly hôn và các bên cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu Toà xét xử mỗi người nuôi một con nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Thùy L, sinh ngày 30/12/2008 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trần Thùy D, sinh ngày 12/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu số 0000680, ngày 09/10/2025.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực